

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

TP. HCM



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		442 726 422 022	468 405 950 842
I - Tiền và các khoản tương đương tiền	110		23 922 519 026	22 563 734 604
1. Tiền	111	V.01	23 922 519 026	22 563 734 604
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II - Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1 335 000 000	11 952 438 397
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.02	2 015 000 000	2 015 000 000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	V.03	(680 000 000)	(680 000 000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			10 617 438 397
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130		372 849 718 132	389 533 132 688
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.04	350 535 497 449	361 182 923 402
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.05	8 885 092 896	8 446 046 986
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	22 770 557 660	29 245 592 173
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.07	(9 341 429 873)	(9 341 429 873)
IV - Hàng tồn kho	140		32 793 653 752	32 370 029 421
1. Hàng tồn kho	141	V.08	32 793 653 752	32 370 029 421
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.09		
V - Tài sản ngắn hạn khác	150		11 825 531 112	11 986 615 732
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	128 992 624	94 091 859
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8 844 189 858	9 296 197 934
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153	V.11	2 852 348 630	2 596 325 939
4. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		544 004 438 186	700 489 440 172
I - Các khoản phải thu dài hạn	210		10 582 827 188	8 425 353 034
4. Phải thu về cho vay dài hạn	215		4 824 479 334	7 624 479 334
5. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	5 758 347 854	800 873 700
II - Tài sản cố định	220		8 753 576 211	11 280 369 341
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	7 599 361 456	10 126 154 586
- Nguyên giá	222		38 599 403 759	38 599 403 759
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31 000 042 303)	(28 473 249 173)
A	B	C	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	1 154 214 755	1 154 214 755
- Nguyên giá	228		1 154 214 755	1 154 214 755

- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
III - Bất động sản đầu tư	230		41 109 000 000	41 109 000 000
- Nguyên giá	231		41 109 000 000	41 109 000 000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			
IV - TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN	240	V.14	435 133 294 189	446 674 648 483
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		149 057 346 120	160 698 700 414
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		286 075 948 069	285 975 948 069
V - Đầu tư tài chính dài hạn	250		46 816 910 000	189 292 320 148
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.15	10 124 917 464	152 600 327 612
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	46 253 100 000	46 253 100 000
3. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	V.17	1 388 100 000	1 388 100 000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.18	(10 949 207 464)	(10 949 207 464)
V - Tài sản dài hạn khác	260		1 608 830 598	3 707 749 166
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19	400 534 389	1 602 137 541
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.20	1 208 296 209	2 105 611 625
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		986 730 860 208	1 168 895 391 014
			()	
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		962 201 990 307	1 095 317 271 900
I - Nợ ngắn hạn	310		646 694 212 140	850 634 403 134
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.22	151 166 848 212	221 937 124 499
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.23	19 440 628 864	4 858 697 478
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	V.24	3 116 707 627	2 257 899 539
4. Phải trả người lao động	314		671 605 000	1 263 355 900
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.25	76 300 604 194	52 680 630 625
7. Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.26	32 139 472 844	38 109 699 386
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.27	13 082 903 885	110 626 801 940
10. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	V.21	348 271 286 686	416 365 138 939
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.28	1 870 935 322	1 870 935 322
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.32	633 219 506	664 119 506
13. Quỹ bình ổn giá	323			
II - Nợ dài hạn	330		315 507 778 167	244 682 868 766
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.25	8 440 746 664	4 251 628 033
3. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
4. Phải trả dài hạn khác	337	V.29	173 291 050 670	103 283 566 200
5. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	V.30	133 775 980 833	137 147 674 533
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
A	B	C	Số cuối kỳ	Số đầu năm
6. Dự phòng phải trả dài hạn	342			

7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		24 528 869 901	73 578 119 114
I - Vốn chủ sở hữu	410	V.33	24 528 869 901	73 578 119 114
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100 150 690 000	100 150 690 000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100 150 690 000	100 150 690 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		81 585 637 916	81 585 637 916
3. Vốn khác của Chủ sở hữu	414			
4. Cổ phiếu quỹ	415		(1 012 784 684)	(1 012 784 684)
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		22 399 587 678	22 399 587 678
10. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(178 594 261 009)	(129 545 011 796)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(164 408 053 551)	(75 418 474 870)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(14 186 207 458)	(54 126 536 926)
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		986 730 860 208	1 168 895 391 014

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2015



Trần Công Quốc Bảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Thanh Tuấn

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Trương Quốc Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 3		Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2015	
				Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	76,090,077,868	182,140,374,343	247,366,127,501	592,557,121,280
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		76,090,077,868	182,140,374,343	247,366,127,501	592,557,121,280
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	73,154,698,300	176,725,643,269	238,587,826,272	579,203,598,598
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2,935,379,568	5,414,731,074	8,778,301,229	13,353,522,682
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	480,772,337	1,986,603,804	9,642,899,525	7,939,806,676
7	Chi phí tài chính	22	VI.4	15,416,157,029	16,579,866,706	57,088,748,581	50,681,955,579
	Trong đó : chi phí lãi vay	23		9,707,882,878	16,567,429,106	23,417,843,305	49,836,913,979
8	Chi phí bán hàng	24	VI.5	793,499,224	2,011,049,406	3,525,683,816	3,932,807,889
9	Chi phí quản lý Doanh nghiệp	25	VI.6	1,798,218,217	2,166,806,072	5,926,717,622	8,259,279,086
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(14,591,722,565)	(13,356,387,306)	(48,119,949,265)	(41,550,713,196)
11	Thu nhập khác	31	VI.7	154,796,633	1,708,547,783	194,762,933	3,698,506,028
12	Chi phí khác	32	VI.8	75,535,619	1,195,569,935	96,669,683	2,021,450,971
13	Lợi nhuận khác	40		79,261,014	512,977,848	98,093,250	1,677,055,057
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(14,512,461,551)	(12,843,409,458)	(48,021,856,015)	(39,873,658,139)
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		(82,454,742)	(714,928)	130,077,782	261,329,620
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(243,799,351)	(91,204,501)	897,315,416	230,802,533
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(14,186,207,458)	(12,751,490,029)	(49,049,249,213)	(40,365,790,292)
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9				



Trần Công Quốc Bảo

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2015

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Thanh Tuấn

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Trương Quốc Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Số 9 – 19 (lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

Mẫu số B 03 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	09 tháng năm 2015	09 tháng năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		(48,844,638,401)	(39,873,658,139)
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2,526,793,130	3,287,996,764
-	Các khoản dự phòng	03		-	(373,779,385)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(319,675,545)	(7,020,395,240)
-	Chi phí lãi vay	06		23,417,843,305	49,836,913,979
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(23,219,677,511)	5,857,077,979
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	VII	24,550,884,009	123,289,078,982
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(423,624,331)	5,859,719,642
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và chi phí lãi vay phải nộp)	11	VII	(81,071,367,775)	(118,052,308,312)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,166,702,387	1,060,626,294
-	Tăng chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14	VII	(909,288,479)	(22,115,861,070)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(386,100,473)	(36,434,300)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	3,389,193,865
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(30,900,000)	(2,515,288,805)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(80,323,372,173)	(3,264,195,785)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(100,000,000)	(277,832,886)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	3,510,255,490
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(7,330,958,397)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	VII	10,617,438,397	38,200,000,000
3.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
5.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	VII	142,475,410,148	-
6.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VII	154,854,003	4,358,738,031
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		153,147,702,548	38,460,202,238
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
1.	Tiền thu từ đi vay	33		31,005,778,645	236,969,091,769
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(102,471,324,598)	(282,504,066,314)
3.	Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
4.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(71,465,545,953)	(45,534,974,545)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1,358,784,422	(10,338,968,092)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		22,563,734,604	22,080,999,168
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.I	23,922,519,026	11,742,031,076



TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2015

TRẦN CÔNG QUỐC BẢO
Tổng Giám đốc


PHẠM THANH TUẤN
Kế toán trưởng


TRƯƠNG QUỐC CƯỜNG
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TẠI NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, xây dựng, đầu tư, sản xuất, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, chất phụ gia bê tông, nguyên vật liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiêu thụ công nghiệp;
Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng, đường dây, trạm biến áp và các công trình xây dựng khác;
Đầu tư kinh doanh nhà, xe máy thiết bị, phụ tùng và các phương tiện vận tải, hàng điện tử, gốm sứ, các sản phẩm nhựa, cao su, nông sản, thực phẩm;
Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa, kho bãi (không được sản xuất vật liệu xây dựng, nhựa, cao su; chế biến thực phẩm tươi sống trong khu dân cư tập trung ở TP. Hồ Chí Minh);
...

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1. Năm tài chính:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là năm tài chính thứ 12 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho:

- Nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa tồn kho: thực tế đích danh.
- Thành phẩm tồn kho: bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang đối với hoạt động xây lắp: được đánh giá theo tỷ lệ hoàn thành công trình.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo TT 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06-25
Máy móc và thiết bị	02-20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-10

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

6. Chi phí đi vay:

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

7. Chi phí trả trước dài hạn:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

8. Đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 2% trên doanh thu.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ:

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Cổ phiếu quỹ:

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phân ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

13. Cổ tức:

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:	01/01/2015	:	21.246 VND/USD
	30/09/2015	:	22.450 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Hợp đồng xây dựng:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

18. Bên liên quan:

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	510.072.062	1.084.298.678
Tiền gửi ngân hàng	23.412.446.964	21.479.435.926
Cộng	<u>23.922.519.026</u>	<u>22,563.734.604</u>

2. Đầu tư ngắn hạn:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	2,015.000.000	2,015.000.000
Cổ phiếu	2,015.000.000	2,015.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư ngắn hạn khác		10.617.438.397
<i>Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm (*)</i>		<i>10.617.438.397</i>
Cộng	<u>2.015.000.000</u>	<u>12.632.438.397</u>
(*) Khoản tiền này đã được thế chấp để đảm bảo nợ vay tại các Ngân hàng MB; VIB, SHB		
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn:		
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.		
Số đầu năm		<u>680.000.000</u>
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ		<u>680.000.000</u>
4. Khoản phải thu của khách hàng:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng là các đơn vị thành viên	6.777.083.529	6.786.264.568
Khách hàng bên ngoài	343.758.413.920	354.396.658.834
Cộng	<u>350.535.497.449</u>	<u>361.182.923.402</u>
5. Trả trước cho người bán:		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp xi măng	474.642.816	97.499.942
Nhà cung cấp vật tư khác		
Nhà cung cấp dịch vụ - vận chuyển	231.433.562	69.788.680
Nhà cung cấp sắt thép	4.594.985	104.336.831
Nhà thầu phụ	2.366.973.155	2.366.973.155
Kinh doanh đất	5.807.448.378	5.807.448.378
Cộng	<u>8.885.092.896</u>	<u>8.446.046.986</u>
6. Các khoản phải thu khác:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn	<u>22.770.557.660</u>	<u>29.245.592.173</u>
Tạm ứng nhân viên	7.404.806.558	7.976.171.012
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	221.327.122	1.392.195.322
Bảo hiểm xã hội	76.122.777	29.633.000
Phải thu ngắn hạn khác	15.068.301.203	19.847.592.839
Dài hạn	<u>5.758.347.854</u>	<u>800.873.700</u>
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	5.758.347.854	800.873.700
Cộng	<u>28.528.905.514</u>	<u>30.046.465.873</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:**

Công ty trích lập dự phòng 100% cho những khoản phải thu không có khả năng thu hồi.

Số đầu năm	<u>9,341,429.873</u>
Trích lập dự phòng bổ sung	
Hoàn nhập dự phòng	
Số cuối kỳ	<u><u>9,341,429,873</u></u>

8. Hàng tồn kho:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên vật liệu		
Công cụ, dụng cụ		
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.144.979.751	2.255.784.540
Thành phẩm		
Hàng hóa	<u>30.648.674.001</u>	<u>30.114.244.881</u>
Cộng	<u><u>32.793.653.752</u></u>	<u><u>32.370.029.421</u></u>

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	-
Trích lập dự phòng bổ sung	
Hoàn nhập dự phòng	
Số cuối kỳ	-

10. Chi phí trả trước ngắn hạn:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
CF trả trước : đơn vị nội bộ NHơn Trạch				
CF trả trước - KD đất				
CF trả trước - Xây lắp				
CF trả trước khác	94.091.859	6.168.596.013	(6.133.695.248)	128.992.624
Cộng	<u>94.091.859</u>	<u>6.168.596.013</u>	<u>(6.133.695.248)</u>	<u>128.992.624</u>

11. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước:Thuế nhập khẩu và thuế TNDN tạm nộp : 2.852.348.630 đ2.852.348.630 đ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	6.192.433.050	29.050.614.090	2.645.773.570	710.583.049		38.599.403.759
Mua trong năm						
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						
Thanh lý, nhượng bán						
Số cuối năm	6.192.433.050	29.050.614.090	2.645.773.570	710.583.049	-	38.599.403.759
<i>Trong đó</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>		1.971.671.078	1.980.312.629	513.537.322		
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	4.399.479.665	20.878.565.332	2.562.150.828	633.053.347		28.473.249.172
Khấu hao trong năm	473.133.893	1.984.970.941	50.173.643	18.514.659		2.526.793.136
Thanh lý, nhượng bán trong năm						
Số cuối năm	4.872.613.558	22.863.536.273	2.612.324.470	651.568.006		31.000.042.307
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.792.953.385	8.172.048.758	83.622.742	77.529.702		10.126.154.587
Số cuối năm	1.319.819.492	6.187.077.817	33.449.100	59.015.043		7.599.361.452

13. Tài sản cố định vô hình :

Quyền sử dụng đất Tân Châu – AnGiang

Quyền sử dụng đất Hà Tiên

Thời hạn sử dụng: lâu dài

Đây là tài sản vô hình đặc biệt, không trích khấu hao.

Nguyên giá

1.154.214.755

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
CP sản xuất DD dài hạn	160.698.700.414	7.514.388.926	(19.155.743.220)	149.057.346.120
Mua sắm tài sản cố định				
Xây dựng cơ bản dở dang - các dự án	285.975.948.069	100.000.000		286.075.948.069
- DA CC Phú Long				
- DA quận 2	285.975.948.069	100.000.000		286.075.948.069
Cộng	446.674.648.483	7.614.388.926	(19.155.743.220)	435.133.294.189

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Đầu tư vào công ty con:**

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần Công ty sở hữu	Vốn đầu tư
Công ty TNHH bê tông đúc sẵn VINA -PSMC	70%	
Công ty TNHH XD - TM và KD nhà An Phúc	100%	
Công ty C&T - Ukraina	100%	10,124,917,464
Cộng		10.124.917.464

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh:

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần Công ty sở hữu	Vốn đầu tư
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích	45.67%	7,053,100,000
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phước Hòa	47.75%	19.843.510.000
Công ty cổ phần XD đầu tư và phát triển Phước Hòa		18.356.490.000
Công ty CP XD dân dụng và công nghiệp Phía Nam	33.33%	1,000,000,000
Cộng		46,253,100,000

17. Đầu tư dài hạn khác:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây	1,388,100,000	1,388,100,000
Cộng	1,388,100,000	1,388,100,000

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng giảm giá đầu tư của công ty con C&T Ukraina	10.124.917.464	10.124.917.464
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	824,290,000	824,290,000
Cộng	10,949,207,464	10,949,207,464

19. Chi phí trả trước dài hạn:

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí trả trước dài hạn- Xưởng Nghi Sơn	1.602.137.541		(1.201.603.152)	400.534.389
Chi phí trả trước dài hạn-Mô đá Trà Đuốc		45.454.545	(45.454.545)	
Chi phí phát hành trái phiếu				
Cộng	1.602.137.541	45.454.545	(1.247.057.697)	400.534.389

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	2,105.611.625
Trích thêm trong kỳ	
Số hoãn nhập trong kỳ	(897.315.416)
Số cuối kỳ	1.208.296.209

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Vay và nợ ngắn hạn:**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn	336.027.364.716	396.414.766.969
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	38.030.707.566	38.601.245.095
Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4	72.985.103.347	68.695.711.999
Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	73.739.044.390	67.819.638.840
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương VN-CN TP HCM	57.851.680.624	57.932.680.624
Ngân hàng Cp Quận Đới -CN Chợ Lớn	93.420.828.789	93.985.814.834
Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long – Chi nhánh Gia Định		69.379.675.577
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	12.243.921.970	19.950.371.970
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	6.043.471.970	6,043,471,970
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận	6.200.450.000	13,906,000,000
Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long – Chi nhánh Gia Định		
<i>Phát hành trái phiếu-kỳ hạn 2 năm</i>		
Cộng	<u>348.271.286.686</u>	<u>416.365.138.939</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	<u>416.365.138.939</u>
Số tiền vay phát sinh trong năm	27.966.481.695
Số tiền vay chuyển từ nợ dài hạn đến hạn trả sang nợ dài hạn	
Số tiền vay chuyển từ nợ ngắn hạn sang nợ dài hạn	
Số tiền vay chuyển từ nợ dài hạn sang nợ dài hạn đến hạn trả	
Số tiền đã trả trong năm	<u>(96.060.333.948)</u>
Số cuối năm	<u>348.271.286.686</u>

22. Phải trả cho người bán:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án-kinh doanh đất	3.177.244.000	3,177,244,000
Các đơn vị dịch vụ	6.104.338.175	4.446.985.778
Các đơn vị mua ngoài	4.434.543.247	5.015.399.107
Các đơn vị nội bộ	9.681.248.851	16.326.630.573

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà máy thép	83.620.640.152	122.219.075.297
Các nhà máy xi măng	31.102.322.933	54.475.502.895
	13.046.510.854	16.276.286.849
Các thầu phụ XL	13.046.510.854	
Cộng	151.166.848.212	221.937.124.499

23. Người mua trả tiền trước:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng là các đơn vị thành viên		
Khách hàng bên ngoài	19.440.628.864	4.858.697.478
Cộng	19.440.628.864	4.858.697.478

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	403.595.297	403.595.297	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	136.236.949	136.236.949	-
Thuế xuất, nhập khẩu	(2.236.574.885)			(2.236.574.885)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(359.751.054)	130.077.782	386.100.483	(615.773.745)
Thuế thu nhập cá nhân	512.948.574	139.626.330	138.373.203	514.201.701
Thuế tài nguyên	1.167.512.825	2.098.466.233	1.552.785.552	1.713.193.506
Các loại thuế khác		8.000.000	8.000.000	
Phí bảo vệ môi trường	577.438.140	1.928.831.960	1.616.957.680	889.312.420
Cộng	(338.426.400)	5.052.472.366	4.449.686.969	264.358.997

Trong đó :

- Tổng số thuế phải nộp Nhà Nước đến 30/09/2015:	3.116.707.627 đ
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước:	2.852.348.630 đ

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu:	0%
- Sắt, thép, vận chuyển; các hoạt động khác:	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.15.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**25. Chi phí phải trả:**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn	76.300.604.194	52.680.630.625
Chi phí lãi vay ngắn hạn	73.604.494.638	50.796.503.151
Lãi trái phiếu		1.059.060.867
Chi phí vận chuyển	2.696.109.556	677.535.521
Dài hạn	8.440.746.664	4.251.628.033
Chi phí lãi NH BIDV – DH	8.129.176.088	4.045.566.833
Chi phí cải tạo môi trường Mỏ đá	311.570.576	206.061.200
Cộng	84.741.350.858	56.932.258.658

26. Doanh thu chưa thực hiện :

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đất Hà Tiên	30.723.736.844	36.693.963.386
Đất Rạch Giá	1.415.736.000	1.415.736.000
Cộng	32.139.472.844	38.109.699.386

27. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
BHXH+KPCĐ+BHTN phải nộp	123.241.937	40.304.092
Phải trả cho các khách hàng xây lắp - TK 141	1.790.391.746	3.236.485.222
Phải trả khác	11.169.270.202	107.350.012.626
Cộng	13.082.903.885	110.626.801.940

28. Dự phòng phải trả ngắn hạn:

Dự phòng chi phí bảo hành các công trình xây dựng.

Số đầu năm	1.870.935.322
Tăng do trích lập trong kỳ	
Số đã sử dụng trong kỳ	
Số đã hoàn nhập trong kỳ	
Số cuối kỳ	1.870.935.322

29. Phải trả dài hạn khác:

Khách hàng ứng tiền trước cho các dự án.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Đầu tư Xây Dựng Phát Triển Sông Đà góp vốn cho dự án Quận 2- TP HCM	173.291.050.670	103.283.566.200
Công ty CP Xây Dựng Số 5 góp vốn dự án An Phúc - Quận 8		
Cộng	173,291,050,670	103,283,566,200

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**30. Vay và nợ dài hạn:**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>121.960.980.833</i>	<i>122.278.680.833</i>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	22.176.879.619	22.176.879.619
Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long – Chi nhánh Gia Định		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận	99.784.101.214	100.101.801.214
<i>Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>11.815.000.000</i>	<i>14.868.993.700</i>
Vay dài hạn cá nhân	11.815.000.000	14.868.993.700
Nợ dài hạn khác		
<i>Nợ dài hạn</i>		
<i>Phát hành trái phiếu-kỳ hạn 2 năm</i>		
Cộng	<u>133.775.980.833</u>	<u>137.147.674.533</u>
<i>Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:</i>		
Từ 1 năm trở xuống		-
Trên 1 năm đến 5 năm		133.775.980.833
Tổng nợ		<u>133.775.980.833</u>

Chi tiết số phát sinh như sau:

Số đầu năm	<u>137.147.674.533</u>
Số tiền phát sinh trong năm	3.039.296.950
Số tiền đã trả trong năm	(6.410.990.650)
Số tiền vay chuyển từ nợ dài hạn sang nợ dài hạn đến hạn trả	
Số tiền vay chuyển từ nợ dài hạn đến hạn trả sang nợ dài hạn	
Số cuối năm	<u>133.775.980.833</u>

31. Vốn chủ sở hữu:*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 31.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong kỳ như sau:

Cổ tức năm trước

Tạm ứng cổ tức năm nay

Cộng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu:**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10,015,069	10,015,069
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10,015,069	10,015,069
- Cổ phiếu phổ thông	10,015,069	10,015,069
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	100,000	100,000
- Cổ phiếu phổ thông	100,000	100,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được bán ra		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9,915,069	9,915,069
- Cổ phiếu phổ thông	9,915,069	9,915,069
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính:

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

32. Quỹ khen thưởng, phúc lợi:

Số đầu năm	<u>664.119.506</u>
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	
Chi quỹ trong kỳ	<u>30.900.000</u>
Số cuối kỳ	<u><u>633.219.506</u></u>

33. Nợ khó đòi đã xử lý:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	-	-
Nợ khó đòi đã xử lý trong năm	-	-
Số cuối kỳ	<u><u>385,152,195</u></u>	<u><u>385,152,195</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

	<u>09 Tháng Năm 2015</u>	<u>09 Tháng Năm 2014</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	185.136.204.476	552.253.272.008
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	550.909.088	4.415.499.004
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	20.478.440.439	9.361.107.760
- Doanh thu hoạt động xây dựng	41.200.573.498	26.527.242.508
- Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại		
Doanh thu thuần	<u>247.366.127.501</u>	<u>592.557.121.280</u>

2. Giá vốn hàng bán:

	<u>09 Tháng Năm 2015</u>	<u>09 Tháng Năm 2014</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	177.530.788.992	539.651.573.057
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	679.090.903	4.253.844.767
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	18.616.764.035	8.154.541.780
Giá vốn của hợp đồng xây dựng ^(a)	41.761.182.342	27.143.638.994
Cộng	<u>238.587.826.272</u>	<u>579.203.598.598</u>

Chi tiết của giá vốn hợp đồng xây dựng(a) :

	<u>09Tháng Năm 2015</u>	<u>09Tháng Năm 2014</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp		4.971.278.130
Chi nhân công trực tiếp		1.086.280.000
Chi phí sản xuất chung	33.386.679.570	14.912.943.818
Tổng chi phí sản xuất	<u>33.386.679.570</u>	<u>20.970.501.949</u>
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.374.502.772	6.173.137.046
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	<u>41.761.182.342</u>	<u>27.143.638.995</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>09 Tháng Năm 2015</u>	<u>09 Tháng Năm 2014</u>
Lãi tiền cho vay, lãi tiền gửi có kỳ hạn	319.675.545	5.423.390.702
Lãi bán hàng trả chậm	1.003.888.073	(138.308.975)
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.971.902	554.013.527
Lãi chứng khoán- chuyển nhượng	7.801.707.072	1.818.740.296
Cổ tức được chia	277.620.000	301.495.500
Lãi chuyển nhượng vốn	49.270.266	10.475.626
Hoạt động tài chính khác	188.766.667	
Cộng	<u>9.642.899.525</u>	<u>7.969.806.676</u>

4. Chi phí tài chính:

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính:**

	<u>09 Tháng Năm 2015</u>	<u>09 Tháng Năm 2014</u>
Chi phí lãi vay	23.417.843.305	49.826.913.979
Chi phí liên quan đến BĐS	16.676.946	
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính		(2.359.598.592)
Chi phí tài chính khác- chuyển nhượng dự án		
+ Lỗ thoái vốn Công ty An Phúc	27.945.954.179	
+ Lỗ thoái vốn Công ty VINA – PSMC	5.708.274.151	
Khác		3.204.640.192
Cộng	<u>57.088.748.581</u>	<u>50.681.955.579</u>

5. Chi phí bán hàng:

	<u>09Tháng Năm 2015</u>	<u>09Tháng Năm 2014</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.874.815.116	2.739.528.841
Chi phí khác	1.650.868.700	1.193.279.048
Cộng	<u>3.525.683.816</u>	<u>3.932.807.889</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>09 Tháng Năm 2015</u>	<u>09 Tháng Năm 2014</u>
Chi phí cho nhân viên	2.112.136.930	2.034.241.299
Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.331.164	155.910.364
Chi phí khác	3.751.249.528	6.069.127.423
Cộng	<u>5.926.717.622</u>	<u>8.259.279.086</u>

7. Thu nhập khác

	<u>09 Tháng Năm 2015</u>	<u>09 Tháng Năm 2014</u>
Thanh lý tài sản cố định		3.510.255.490
Thu tiền phạt, bồi thường VPHĐ	191.762.933	173.550.538
Thu khác	3.000.000	14.700.000
Cộng	<u>194.762.933</u>	<u>3.698.506.028</u>

8. Chi phí khác

	<u>09 Tháng Năm 2015</u>	<u>09 Tháng Năm 2014</u>
Chi phí thanh lý tài sản cố định		1.843.618.577
Trả tiền phạt thuế, bồi thường vi phạm hợp	49.794.683	143.367.427
Chi khác	46.875.000	34.464.967
Cộng	<u>96.669.683</u>	<u>2.021.450.971</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>09 Tháng Năm 2015</u>	<u>09 Tháng Năm 2014</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(49.049.249.213)	(40.365.790.292)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>09 Tháng Năm 2015</u>	<u>09 Tháng Năm 2014</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(49.049.249.213)	(40.365.790.292)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9,915,069	9,915,069
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4.947)	(4.071)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>09 Tháng Năm 2015</u>	<u>09 Tháng Năm 2014</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	9,915,069	9,915,069
Ảnh hưởng của phát hành của CP trong kỳ		
Mua Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9,915,069	9,915,069

VII. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH:**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 và 30, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số V.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	<u>30/09/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.922.519.026	22.563.734.604
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.335.000.000	11.952.438.397
Phải thu khách hàng	341.194.067.576	351.841.493.529
Phải thu khác	28.528.905.514	30.046.465.873
Đầu tư tài chính dài hạn	1.388.100.000	1.388.100.000
Tài sản tài chính khác		
Tổng cộng	396.368.592.116	417.792.232.403

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ tài chính	30/09/2015	01/01/2015
Vay và nợ ngắn hạn	348.271.286.686	416.365.138.938
Phải trả người bán	151.166.848.212	221.937.124.499
Phải trả khác	186.250.712.618	213.870.064.048
Chi phí phải trả	84.741.350.858	56.932.258.658
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.840.935.322	1.870.935.322
Vay và nợ dài hạn	133.775.980.833	137.147.674.534
Tổng cộng	906.077.114.529	1.048.123.195.999

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/09/2015	01/01/2015	31/09/2015	01/01/2015
	VND	VND		
Đô la Mỹ (USD)	27.781.071	637.375.327	-	-
Euro (EUR)			-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/09/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng
Vay và nợ ngắn hạn	348.271.286.686		348.271.286.686
Phải trả người bán	151.166.848.212		151.166.848.212
Phải trả khác	12.959.661.948	173.291.050.670	186.250.712.618
Chi phí phải trả	76.300.604.194	8.440.746.664	84.741.350.858
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.870.935.322		1.870.935.322
Vay và nợ dài hạn		133.775.980.833	134.093.680.834
Tổng cộng	590.569.336.362	315.507.778.167	906.077.114.529

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

01/01/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng
Vay và nợ ngắn hạn	416.365.138.938		416.365.138.938
Phải trả người bán	221.937.124.499		221.937.124.499
Phải trả khác	110.586.497.848	103.283.566.200	213.870.064.048
Chi phí phải trả	52.680.630.625	4.251.628.033	56.932.258.658
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.870.935.322		1.870.935.322
Vay và nợ dài hạn	-	137.147.674.534	137.147.674.534
Tổng cộng	803.440.327.232	244.682.868.767	1.048.123.195.999

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/09/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.922.519.026		23.922.519.026
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.335.000.000		1.335.000.000
Phải thu khách hàng	341.194.067.576		341.194.067.576
Phải thu khác	22.770.557.660	5.758.347.854	28.528.905.514
Đầu tư tài chính dài hạn		1.388.100.000	1,388,100,000
Tổng cộng	389.222.144.262	7.146.447.854	396.368.592.116

01/01/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.563.734.604	-	22.560.941.111
Đầu tư tài chính ngắn hạn	19.576.917.731	-	19.576.917.731
Phải thu khách hàng	351.841.493.529		351.841.493.529
Phải thu khác	29.245.592.173	800.873.700	30.046.465.873
Đầu tư tài chính dài hạn	-	1,388,100,000	1,388,100,000
Tài sản tài chính khác			
Tổng cộng	415.251.567.025	1.966.215.118	417.792.262.403

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty xây dựng số 1	Cổ đông chiếm 36,164% vốn điều lệ
Công ty CP xây dựng và thương mại Ban Tích	Công ty liên kết chiếm 45.67 % vốn điều lệ
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phước Hòa	Công ty liên kết chiếm 47.75 % vốn điều lệ
Công ty cổ phần XD ĐT & phát triển Phước Hòa	Công ty liên kết chiếm 47.75 % vốn điều lệ
Công ty C&T Ukraina	Công ty con chiếm 100% vốn điều lệ
Công ty CP XD dân dụng và CN Phía Nam	Công ty liên kết chiếm 33.33% vốn điều lệ

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>09 tháng năm 2015</u>	<u>09 tháng năm 2014</u>
<i>Tổng Công ty xây dựng số 1</i>		
Thực hiện xây lắp	42.999.688.913	
Mua vật tư		
<i>Công ty TNHH bê tông đúc sẵn VINA- PSMC</i>		
Lãi bán vật tư trả chậm		26.069.088
<i>Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích</i>		
Bán vật tư	62.338.473	2.110.948.110
Lãi chậm trả	277.735.913	218.976.004
Mua vật tư	8.188.894.449	16.925.383.800
Thuê thiết bị		199.500.000
<i>Công ty CP đầu tư & XD Phước Hòa</i>		
Giao thầu xây lắp		
Cho thuê thiết bị		
Cho vay		
Lãi trả chậm		

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc 30/09/2015, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Tổng Công ty xây dựng số 1</i>		
Gói thầu TH8	4.006.459.929	
<i>Công ty liên doanh bê tông đúc sẵn</i>		
<i>VINA- PSMC</i>		
Cho vay	1.506.145.602	1.806.145.602
Cổ tức	3.222.560.421	3.222,560,421
<i>Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích</i>		
Bán vật tư	5.756.140.173	5.830.307.380
Cổ tức		
<i>Công ty CP đầu tư & XD Phước Hòa</i>		
Cho thuê thiết bị	4.423.510.000	4,423,510,000
Cho vay	2.699.746.000	2,810,000,000
Cộng nợ phải thu	21.614.562.125	18.092.523.403
<i>Tổng Công ty xây dựng số 1</i>		
Phải trả	412.020.448	434.246.448
Ứng trước tiền gói thầu TH8		2.782.117.586
<i>Công ty liên doanh bê tông đúc sẵn</i>		
<i>VINA- PSMC</i>		
Giao thầu xây lắp	2.093.746.171	2,093,746,171
<i>Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích</i>		
Mua vật tư	901.779.400	2.040.690.288
<i>Công ty CP đầu tư & XD Phước Hòa</i>		
Giao thầu xây lắp	3.044.878.944	3.080.001.884
Cộng nợ phải trả	11.333.156.322	10.718.425.191

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2015

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. THUYẾT MINH VỀ CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA QUÝ 2-2015 SO VỚI CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC :

Lợi nhuận sau thuế lỗ so với cùng kỳ năm trước là do nguyên nhân sau :

- Doanh thu Quý 3-2015 là 76.09 tỷ đồng đạt 41.78% so với cùng kỳ Quý 3- 2014.
- Chi phí tài chính quý 03-2015 chỉ giảm 7.02% so với quý 03/2014 là do:
 - + Khoản chi phí tài chính trong quý 03/2015 đã bao gồm lỗ do thoái vốn đầu tư vào công ty TNHH Bê Tông Đức Sẵn VINA – PSMC là : 5.708.274.151 đồng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2015



Trần Công Quốc Bảo
Tổng Giám Đốc

Phạm Thanh Tuấn
Kế toán trưởng

Trương Quốc Cường
Người lập Biểu